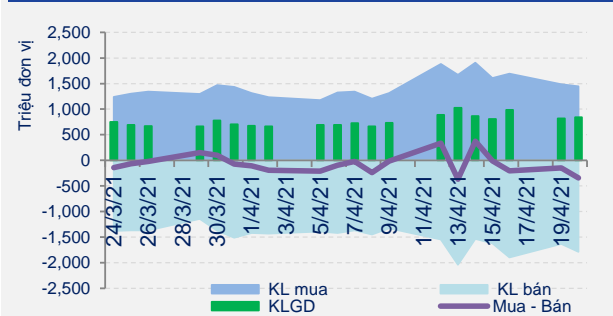
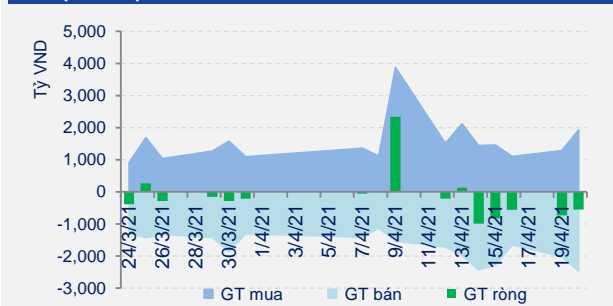


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 20/4/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,268.28	296.48
% Thay đổi	↑ 0.61%	↑ 0.25%
KLGD (CP)	843,601,928	160,423,961
GTGD (tỷ đồng)	23,100.16	3,066.78
Tổng cung (CP)	1,784,282,400	223,800,200
Tổng cầu (CP)	1,442,994,500	207,642,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	51,918,352	883,718
KL mua (CP)	46,499,954	586,700
GTmua (tỷ đồng)	1,920.72	9.33
GT bán (tỷ đồng)	2,470.99	14.83
GT ròng (tỷ đồng)	(550.27)	(5.49)

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.24%	18.9	3.0	2.3%
Công nghiệp	↓ -0.23%	19.0	2.5	7.5%
Dầu khí	↑ 0.51%	-	2.0	2.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.83%	-	5.1	3.4%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.25%	15.9	2.4	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.57%	20.8	4.2	8.4%
Ngân hàng	↑ 1.03%	14.0	2.4	25.9%
Nguyên vật liệu	↓ -1.50%	18.0	2.5	19.8%
Tài chính	↑ 0.70%	22.5	3.3	28.3%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.41%	15.6	2.4	1.8%
VN - Index	↑ 0.61%	19.6	3.1	
HNX - Index	↑ 0.25%	18.9	2.3	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên thứ hai liên tiếp với mức tăng nhẹ và thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 7,7 điểm (+0,61%) lên 1.268,28 điểm; HNX-Index tăng 0,73 điểm (+0,25%) lên 296,48 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 23.996 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 955 triệu cổ phiếu. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 312 mã tăng, 115 mã tham chiếu, 380 mã giảm. Thị trường tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay, nhưng áp lực chốt lời trong phiên chiều đã khiến mức tăng bị thu hẹp lại đáng kể. FPT (+1,7%), MWG (+3,7%), VCB (+4,6%), VNM (+3,3%), VHM (+3,9%), VJC (+1,4%), VRE (+1,9%) là những cổ phiếu lớn tăng điểm đáng chú ý nhất phiên hôm nay, trong đó VHM (+3,9%) có lúc tăng trần trước khi đóng cửa phiên với mức tăng bị thu hẹp. Tương tự, VCB (+4,6%) cũng có lúc tăng gần hết biên độ nhưng áp lực bán mạnh cuối phiên khiến cổ phiếu đóng cửa ở mức giá 103.000 đồng. Ở chiều ngược lại, CTG (-1,2%), HPG (-1%), MSN (-1,5%), REE (-1,3%), VIC (-0,6%), POW (-0,8%), VPB (-0,1%), TCB (-1,1%) là những cổ phiếu lớn giảm điểm đáng chú ý.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Áp lực chốt lời gia tăng mạnh trong phiên hôm nay đã thu hẹp đáng kể mức tăng của VN-Index, từ mức đỉnh 1.286 điểm đạt được trong phiên để kết phiên ở mức 1.268 điểm. Giá trị khớp lệnh trong phiên hôm nay cũng đạt mức kỷ lục mới với gần 24.000 tỷ đồng trên VN-Index và HNX-Index. Rõ ràng là bên mua và bên bán đang giằng co quyết liệt tại đây. Với việc thị trường đóng cửa được trên ngưỡng 1.250 điểm trong hai phiên liên tiếp, nên chúng tôi cho rằng xác suất để thị trường nổi dài sóng tăng 5 lên ngưỡng 1.325 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4) hoặc chuyển sang sóng điều chỉnh a với target quanh 1.135 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5) là ngang nhau. Do đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 22/4, thị trường có thể tiếp tục rung lắc trước áp lực chốt lời của nhà đầu tư. Nhà đầu tư trung hạn mua vào trước Tết trong các phiên 28/1-2/2 và nhà đầu tư ngắn hạn mua vào trong các phiên 24/3-26/3 đã chốt lời trong tuần trước nên đứng ngoài quan sát thị trường. Những nhà đầu tư vẫn còn nắm giữ cổ phiếu với kỳ vọng sóng tăng 5 có thể tiếp tục trong thời gian tới có thể áp dụng chiến lược trailing stop theo đường trung bình 20 ngày hiện quanh ngưỡng 1.225 điểm, nếu thủng ngưỡng này thì nên bán ra.

# MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **20/4/2021**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và mạnh dần lên sau đó, với mức cao nhất trong phiên tại 1.286,32 điểm. Về chiều, áp lực bán ra tăng mạnh khiến mức tăng bị thu hẹp. Kết phiên, VN-Index tăng 7,7 điểm (+0,61%) lên 1.268,28 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 4.500 đồng, VHM tăng 4.100 đồng, VNM tăng 3.200 đồng. Ở chiều ngược lại, GVR giảm 800 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 297,567 điểm. Về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm nhẹ xuống dưới tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 295,476 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,74 điểm (+0,25%) lên 296,48 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB tăng 700 đồng, THD tăng 700 đồng, KLF tăng 300 đồng. Ở chiều ngược lại, IDC giảm 1.100 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 553,02 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 9,1 triệu cổ phiếu. VHM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 340,4 tỷ đồng tương ứng với 3,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 129,4 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCB là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 66,1 tỷ đồng tương ứng với 549 nghìn cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 5,49 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 297 nghìn cổ phiếu. VND là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 3,6 tỷ đồng tương ứng với 98 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là BVS với 1 tỷ đồng tương ứng với 44 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, IDV là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 793 triệu đồng tương ứng với 12 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### VEPR: Việt Nam có thể đạt mức tăng trưởng kinh tế 6.3% năm 2021

VEPR nâng mức dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam trong năm 2021 lên mức 6-6,3%. Theo tổ chức này, Việt Nam cần ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index tăng điểm trong phiên thứ hai liên tiếp với mức tăng nhẹ và thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên, nhưng lại thấp hơn so với những phiên giảm điểm trước đó cho thấy lực cầu mua lên chiếm ưu thế trong phiên hôm nay nhưng vẫn còn những sự dè dặt nhất định.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật vẫn là kịch bản sóng Elliott lập ra trước đó với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì target của sóng tăng 5 là quanh ngưỡng 1.250 điểm đã đạt được vào nửa đầu tháng 4/2021. Thực tế, thì sóng tăng 5 đã nở rộng được lên khoảng 285 điểm khi VN-Index chạm đến ngưỡng 1.286 điểm trong phiên 20/4.

Do thị trường đóng cửa được trên ngưỡng 1.250 điểm trong hai phiên liên tiếp của tuần này nên xác suất để thị trường nối dài sóng tăng 5 lên ngưỡng 1.325 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4) hoặc chuyển sang sóng điều chỉnh a với target quanh 1.135 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5) đang được đánh giá ngang nhau. Do đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 22/4, thị trường có thể tiếp tục rung lắc trước áp lực chốt lời của nhà đầu tư.

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.225 điểm (MA20) sẽ là ngưỡng để các nhà đầu tư kỳ vọng sóng tăng 5 tiếp tục trailing stop trong giai đoạn này.



## TIN TRONG NƯỚC

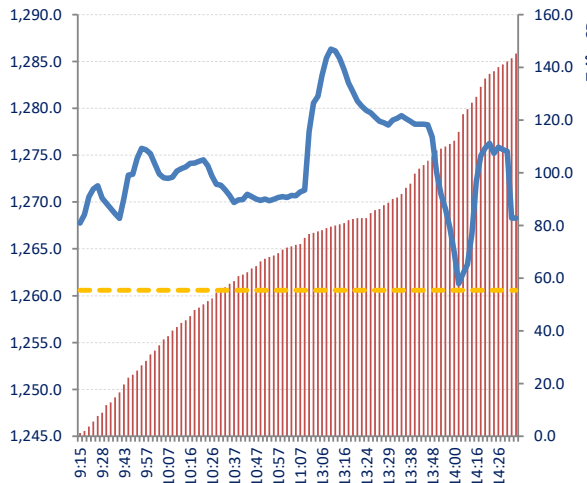
<b>Giá vàng trong nước giảm</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 55,5 - 55,8 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm giảm 8 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 20/4 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.182 VND/USD, giảm 8 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

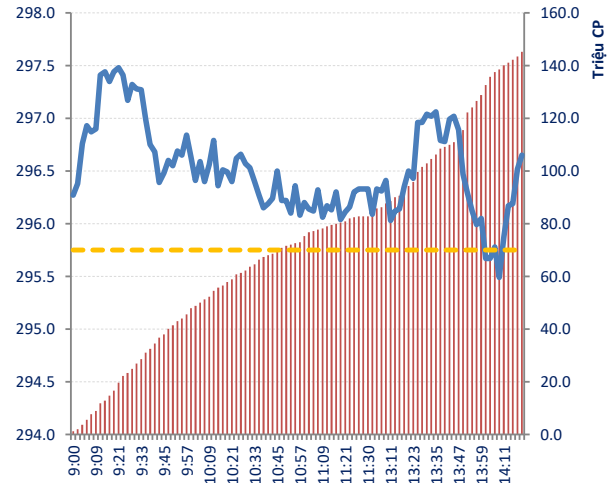
<b>Giá vàng thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 1,45 USD/ounce tương ứng với 0,08% xuống 1.769,15 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,108 điểm tương ứng 0,12% xuống 90,940 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,2069 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3988 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 108,47 JPY.
<b>Giá dầu thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,78 USD/thùng tương ứng với 1,2% lên 64,2 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ giảm điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 19/4, chỉ số Dow Jones giảm 123,04 điểm tương ứng 0,36% xuống 34.077,63 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 137,58 điểm tương ứng 0,98% xuống 13.914,76 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 22,21 điểm tương ứng 0,53% xuống 4.163,26 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

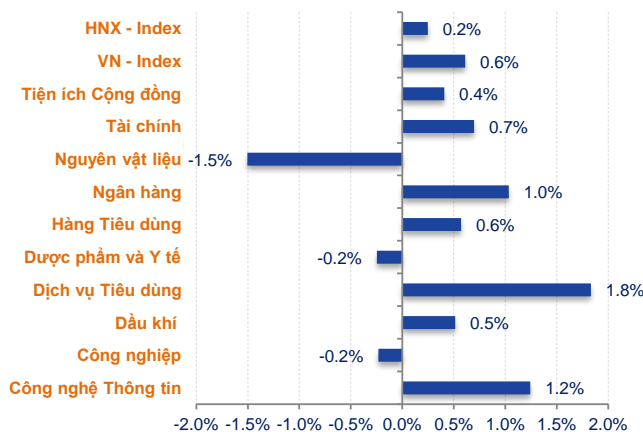
KLGD và VN-Index trong phiên



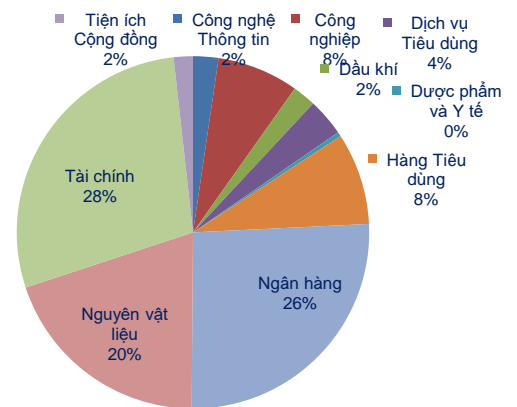
KLGD và HNX-Index trong phiên



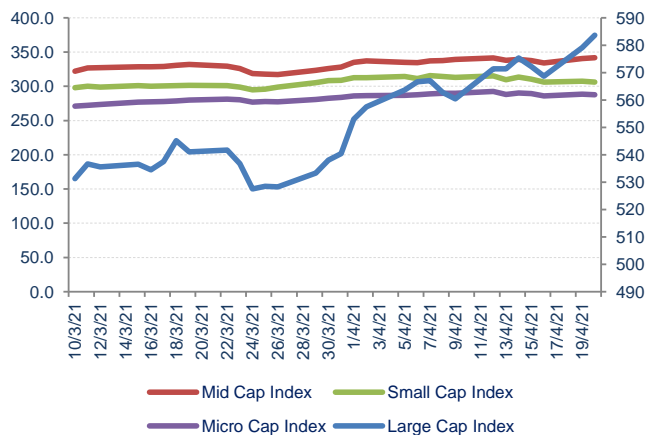
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



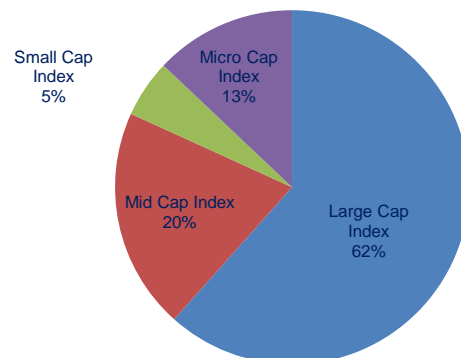
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	1,240,800	VHM	3,103,000
2	HDB	1,033,900	CTG	2,774,100
3	E1VFN30	904,000	HPG	1,804,300
4	VCB	649,200	KDH	1,786,000
5	DXG	550,000	VNM	1,310,638

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NBC	49,000	VND	97,700
2	SD5	30,000	ACM	48,700
3	SHB	22,100	KLF	45,100
4	TVB	20,500	BVS	43,800
5	CVN	19,600	ART	40,200

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	4.64	4.55	↓ -1.94%	48,061,600
ROS	7.35	7.86	↑ 6.94%	43,988,200
HPG	57.80	57.20	↓ -1.04%	38,339,300
FLC	13.10	12.80	↓ -2.29%	37,824,600
STB	22.90	22.50	↓ -1.75%	29,784,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	26.80	27.50	↑ 2.61%	30,448,231
KLF	6.30	6.60	↑ 4.76%	15,566,764
PVS	23.30	23.20	↓ -0.43%	8,546,401
ACM	4.00	3.90	↓ -2.50%	7,454,295
SHS	30.60	29.80	↓ -2.61%	6,935,028

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
STG	15.80	16.90	1.10	↑ 6.96%
HMC	20.90	22.35	1.45	↑ 6.94%
ROS	7.35	7.86	0.51	↑ 6.94%
AMD	6.50	6.95	0.45	↑ 6.92%
FUCVREIT	21.00	22.45	1.45	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EVS	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
ITQ	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
MEL	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
THS	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
DAE	19.30	21.20	1.90	↑ 9.84%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HCD	5.58	5.19	-0.39	↓ -6.99%
DLG	3.72	3.46	-0.26	↓ -6.99%
SAV	38.95	36.25	-2.70	↓ -6.93%
HVX	6.63	6.17	-0.46	↓ -6.94%
KMR	4.19	3.90	-0.29	↓ -6.92%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KTT	12.20	11.00	-1.20	↓ -9.84%
CMS	5.10	4.60	-0.50	↓ -9.80%
AME	13.30	12.00	-1.30	↓ -9.77%
CMC	7.40	6.70	-0.70	↓ -9.46%
KSQ	5.30	4.80	-0.50	↓ -9.43%

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	48,061,600	0.2%	20	226.0	0.5
ROS	43,988,200	3250.0%	2	5,209.4	0.7
HPG	38,339,300	25.1%	4,060	14.1	3.2
FLC	37,824,600	1.3%	225	56.8	0.7
STB	29,784,900	9.6%	1,487	15.1	1.5

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	30,448,231	12.3%	1,552	17.7	2.0
KLF	15,566,764	0.2%	16	418.0	0.6
PVS	8,546,401	4.8%	1,306	17.8	0.9
ACM	7,454,295	0.0%	2	1,659.3	0.5
SHS	6,935,028	25.5%	3,639	8.2	1.9

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
STG	↑ 7.0%	6.4%	1,085	15.6	1.0
HMC	↑ 6.9%	31.7%	5,979	3.7	1.1
ROS	↑ 6.9%	0.0%	2	5,209.4	0.7
AMD	↑ 6.9%	1.3%	155	44.8	0.6
UCVREI	↑ 6.9%	N/A	N/A	N/A	N/A

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
EVS	↑ 10.0%	18.5%	2,383	7.4	1.2
ITQ	↑ 10.0%	0.7%	83	79.5	0.6
MEL	↑ 10.0%	12.1%	1,563	7.0	0.8
THS	↑ 9.9%	8.3%	1,180	7.5	0.7
DAE	↑ 9.8%	13.5%	3,230	6.6	0.9

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	1,240,800	9.6%	1,487	15.1	1.5
HDB	1,033,900	18.8%	2,667	10.2	1.8
VFVN3	904,000	N/A	N/A	N/A	N/A
VCB	649,200	21.1%	4,975	20.7	4.1
DXG	550,000	-5.4%	(956)	-	1.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NBC	49,000	10.0%	1,260	6.4	0.6
SD5	30,000	6.0%	1,117	8.1	0.5
SHB	22,100	12.3%	1,552	17.7	2.0
TVB	20,500	12.6%	1,326	12.4	1.5
CVN	19,600	20.0%	2,137	4.7	0.7

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	484,026	4.3%	1,586	90.2	3.6
VCB	382,014	21.1%	4,975	20.7	4.1
VHM	357,241	35.6%	8,315	13.1	4.1
VNM	207,533	35.0%	5,313	18.7	6.2
HPG	189,520	25.1%	4,060	14.1	3.2

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	71,120	61.8%	7,123	28.5	4.7
SHB	48,139	12.3%	1,552	17.7	2.0
BAB	19,767	7.3%	830	33.6	2.4
VCS	14,720	39.1%	9,051	10.2	3.8
PVS	11,089	4.8%	1,306	17.8	0.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.51	6.1%	844	13.7	0.8
PXS	2.19	1.0%	56	126.7	1.3
EVG	2.16	2.6%	268	49.6	1.1
IJC	2.13	19.0%	2,378	11.0	1.7
HRC	2.06	1.7%	297	230.9	3.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	3.89	0.0%	5	1,107.8	0.5
TDT	3.13	9.7%	1,127	11.7	1.1
WSS	2.51	2.0%	206	41.7	0.8
FID	2.49	-1.7%	(172)	-	0.5
ACM	2.45	0.0%	2	1,659.3	0.5





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---